

Fitinky - nerez série TH-Z

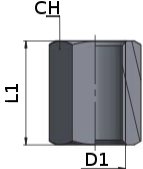


připojení	1/8"...R1" na přání válcový dle ISO 228/1 nebo kónický dle ISO 7/1, M5 dle ISO R/262
materiál	nerez 1.4404
médium	tlakový vzduch, neutrální plyny, Kapaliny a plyn, které nepoškozují použitá média
teplota média	-20°C...+150°C
pracovní tlak	-1...150bar, faktory pro redukci tlaku viz. tabulka
použití	Pneumatika, potravinářství, chemický, medicínský a farmaceutický průmysl

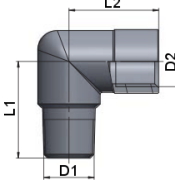
faktory pro redukci tlaku

rozsah teploty	-20°C...+50°C	+100°C	+150°C
provozní tlak v % z max. hodnoty	100%	85%	63%

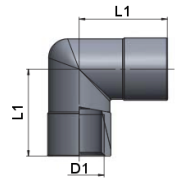
TH13 mufna

	D1	L1	CH	hmotnost [g]	typ
	G1/8"	15	14	12	TH13-18-Z
	G1/4"	22	17	22	TH13-14-Z
	G3/8"	24	22	41	TH13-38-Z
	G1/2"	30	27	74	TH13-12-Z

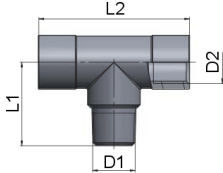
TH16C Koleno - kónický vnější závit / vnitřní závit

	D1	D2	L1	L2	hmotnost [g]	typ
	R1/8"	G1/8"	18	19	16	TH16C-18-Z
	R1/4"	G1/4"	25	23	38	TH16C-14-Z
	R3/8"	G3/8"	24	25,5	41	TH16C-38-Z
	R1/2"	G1/2"	30	32	72	TH16C-12-Z

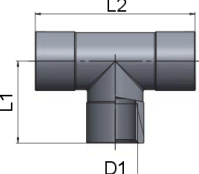
TH17 Koleno - vnitřní závit

	D1	L1	hmotnost [g]	typ
	G1/8"	19	19	TH17-18-Z
	G1/4"	23	37	TH17-14-Z
	G3/8"	25,5	44	TH17-38-Z
	G1/2"	32	76	TH17-12-Z

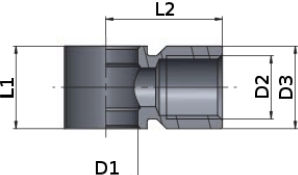
TH21C T-kus - kónický vnější závit / vnitřní závit

	D1	D2	L1	L2	hmotnost [g]	typ
	R1/8"	G1/8"	18	38	25	TH21C-18-Z
	R1/4"	G1/4"	25,5	46	51	TH21C-14-Z
	R3/8"	G3/8"	24	51	58	TH21C-38-Z
	R1/2"	G1/2"	30	64	101	TH21C-12-Z

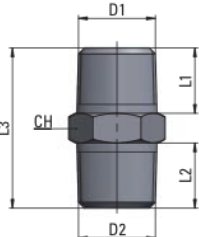
TH29 T-kus - vnitřní závit

	D1	L1	L2	hmotnost [g]	typ
	G1/8"	19	38	28	TH29-18-Z
	G1/4"	23	46	57	TH29-14-Z
	G3/8"	25,5	51	83	TH29-38-Z
	G1/2"	32	64	143	TH29-12-Z

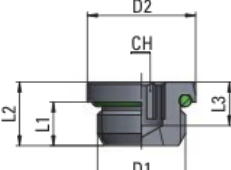
TH35 L-otočný kus

	D1	D2	D3	L1	L2	hmotnost [g]	typ
	10	G1/8"	14	18,5	15	16	TH35-18-Z
	13,2	G1/4"	17	24	17	24	TH35-14-Z
	17	G3/8"	20	29	20	40	TH35-38-Z
	21	G1/2"	26	34,5	24	64	TH35-12-Z

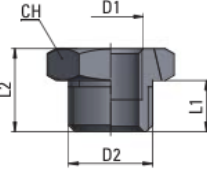
TH38C dvojitá vsuvka - závit kónický

	D1	D2	L1	L2	L3	CH	hmotnost [g]	typ
	R1/8"	R1/8"	7,5	7,5	20	12	8	TH38C-18-18-Z
	R1/8"	R1/4"	7,5	11	23,5	14	13	TH38C-18-14-Z
	R1/4"	R1/4"	11	11	27	14	15	TH38C-14-14-Z
	R1/4"	R3/8"	11	11,5	27,5	17	21	TH38C-14-38-Z
	R3/8"	R3/8"	11,5	11,5	28	17	24	TH38C-38-38-Z
	R3/8"	R1/2"	11,5	14	31,5	22	39	TH38C-38-12-Z
	R1/2"	R1/2"	14	14	34	22	39	TH38C-12-12-Z

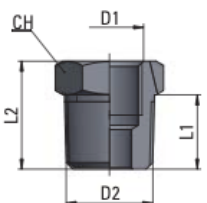
TH50 záslepka s vnitřním sextantem a O-kroužek (FKM) - závit válcový

	D1	D2	L1	L2	L3	CH1	hmotnost [g]	typ
	G1/8"	13	5	7,5	4,5	5	4	TH50-18-Z-0
	G1/4"	16	6,5	9,5	5,5	6	8	TH50-14-Z-0
	G3/8"	20	7	10	6	8	14	TH50-38-Z-0
	G1/2"	25	8,5	12	7	10	29	TH50-12-Z-0

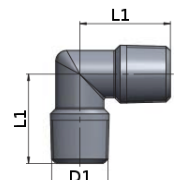
TH60 Redukce - závit válcový

	D1	D2	L1	L2	CH	hmotnost [g]	typ
	M5x0,8	G1/8"	6	10,5	14	7,8	TH60-M5-18-Z
	G1/8"	G1/4"	8	13	17	11	TH60-18-14-Z
	G1/4"	G3/8"	9	14	19	13	TH60-14-38-Z

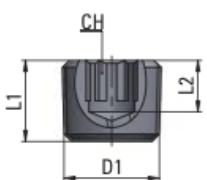
TH60C Redukce - vnější závit kónický

	D1	D2	L1	L2	CH	hmotnost [g]	typ
	G1/8"	R1/4"	11	16	14	9	TH60C-18-14-Z
	G1/8"	R3/8"	11,5	16,5	17	19	TH60C-18-38-Z
	G1/8"	R1/2"	14	19,5	22	32	TH60C-18-12-Z
	G1/4"	R3/8"	11,5	16,5	17	12	TH60C-14-38-Z
	G1/4"	R1/2"	14	19,5	22	35	TH60C-14-12-Z
	G3/8"	R1/2"	14	19,5	22	23	TH60C-38-12-Z

TH61C Koleno - kónický vnější závit

	D1	D2	L1	L2	hmotnost [g]	typ
	R1/8"	R1/8"	17	17	10	TH61C-18-Z
	R1/4"	R1/4"	21	21	20	TH61C-14-Z
	R3/8"	R3/8"	24	24	38	TH61C-38-Z
	R1/2"	R1/2"	30	30	62	TH61C-12-Z

TH64C záslepka s vnitřním sextantem - závit kónický

	D1	L1	L2	CH	hmotnost [g]	typ
	R1/8"	7,5	6	5	3	TH64C-18-Z
	R1/4"	11	8	6	8	TH64C-14-Z
	R3/8"	11,5	8	10	13	TH64C-38-Z
	R1/2"	14	9,5	10	26	TH64C-12-Z

vyobrazení jsou nezávazná
změna konstrukce, rozměrů a materiálů vyhrazena.